TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:183/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Minh

Ông Huỳnh Văn Phó

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CTân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Cẩm T**, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: ấp VP, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Công D**, sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T trình bày:

Chị T và anh Huỳnh Công D chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào năm 2017. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 08 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói

chung, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi. Từ tháng 12 năm 2020 anh chị đã ly thân cho đến nay.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Công D.

- Về con chung: Có 01 con chung. Giao con chung tên Huỳnh Ngọc Trà M, sinh ngày 09/02/2017 cho chị Huỳnh Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Công D trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị T. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính tình, vợ chồng có cự cãi, chị T có người khác.

Anh D nhiều lần khuyên can nhưng không có kết quả, thậm chí vợ chồng còn phát sinh cự cãi. Anh D thừa nhận anh và chị T đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến hiện tại nhưng anh D vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh D và chị T có 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Trà M, sinh ngày 09/02/2017 hiện đang sống với anh D đúng như chị T trình bày. Nếu phải ly hôn theo quyết định của Tòa án, anh D không đồng ý giao con cho chị T mà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Nếu Tòa án xử cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh D không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng ý ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Cẩm T.

+ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Trà M, sinh ngày 09/02/2017 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Huỳnh Công D và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Huỳnh Công D có nơi cư trú tại ấp H, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh D chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 11/01/2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh D xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Chị T cho rằng anh D hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên cự cãi, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Giữa chị T và anh D không tự hàn gắn được và dẫn đến việc anh chị đã sống ly thân hơn một năm nay. Tại phiên tòa, anh D đồng ý ly hôn. Thấy rằng, giữa chị T và anh D không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh D đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là cháu Huỳnh Ngọc Trà M, sinh ngày 09/02/2017. Cả chị T và anh D đều có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu M.

Hội đồng xét xử thấy rằng, chị T và anh D đã sống ly thân hơn 01 năm, trong thời gian sống ly thân và cho đến nay cháu M vẫn đang sống chung với anh D, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu nên cần thiết giao cháu M cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này anh D và chị T có thay đổi hoàn cảnh và có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, chị T đồng ý nên cần buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa, chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh D khai có tài sản chung có nợ chung nhưng anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có tranh chấp anh sẽ khởi kiện vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Cẩm T, chị T được ly hôn với anh Huỳnh Công D.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Ngọc Trà M, sinh ngày 09/02/2017 cho anh Huỳnh Công D trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003815 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị T đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T, anh D được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã Kim Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Đỗ Thị Hồng Quyên